

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SON
TỈNH THAH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày 16/6/2021

V/v: TrAh chấp về nuôi con của nam, nữ
chung sống với nhau như vợ chồng mà không
có đăng ký kết hôn.

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SON, TỈNH THAH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Long và bà Đỗ Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Triệu Sơn, tỉnh ThAh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh ThAh Hóa
tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị LA - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn,
tỉnh ThAh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 153/2021/TLST-HNGĐ
ngày 04 tháng 5 năm 2021, về yêu cầu không công nhận là vợ chồng. Theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 01/6/2021, giữa
các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Gi - Sinh năm 1982

Nơi ĐKHKTT: Thôn 1, xã D, huyện Tr, tỉnh ThAh Hóa.

Chỗ ở: Số nhà 09/355 Ng, phường Đ, thành phố Th, tỉnh ThAh Hóa.

2. Bị đơn: Ah Đào Khả T - Sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn 1, xã D, huyện Tr, tỉnh ThAh Hóa.

Tại phiên tòa chị Gi và Ah T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu khác có
trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Gi trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và Ah Đào Khả T chung sống với nhau ngày
06/10/2004 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa pH nhưng
không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng

hạnh phúc cho đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong quaA điếm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, không tin tưởng nhau dẫn đến thường xuyên cãi cọ, có lúc dẫn đến xô xát. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng thêm. Từ tháng 02/2016 cho đến nay chị và Ah T đã sống ly thân nhau, không ai quaA tâm đến ai. Nay, chị xác định không còn tình cảm với Ah T và không có đăng ký kết hôn nên chị yêu cầu Tòa án không công nhận chị và Ah T là vợ chồng.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là Đào Mai H, sinh ngày 16/3/2006 và Đào Tâm A, sinh ngày 31/10/2012. Chị yêu cầu được nuôi cháu Tâm A. Giao cháu Mai H cho Ah T trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản và nợ chung*: Chị Gi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn Ah Đào Khả T trình bày:

- *Về hôn nhân*: Về điều kiện kết hôn như chị Gi trình bày là đúng. Ah và chị Gi chung sống với nhau ngày 06/10/2004 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa pH nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc cho đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong quaA điếm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Từ tháng 02/2016 cho đến nay Ah và chị Gi đã sống ly thân nhau, trong thời giA ly thân mỗi người tự lo cho bản thân mình, không ai quaA tâm đến ai. Chị Gi yêu cầu Tòa án không công nhận chị và Ah T là vợ chồng thì Ah cũng đồng ý vì Ah chị không có đăng ký kết hôn.

- *Về con chung*: Ah chị có 02 con chung là Đào Mai H, sinh ngày 16/3/2006 và Đào Tâm A, sinh ngày 31/10/2012. Ah đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai H. Giao cháu Tâm A cho chị Gi trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản và nợ chung*: Ah T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát có quaA điếm: Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Đối với các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Qua tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của chị Gi là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Gi và Ah T là vợ

chồng; Về con chung, đề nghị giao cháu Đào Tâm A cho chị Gi được trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Đào Mai H cho Ah T được trực tiếp nuôi dưỡng; Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả trAh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về thẩm quyền và quA hệ trAh chấp: Chị Gi yêu cầu giải quyết: Không công nhận là vợ chồng và trAh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn. Cả chị Gi và Ah T đều có địa chỉ tại xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh ThAh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Lê Thị Gi và Ah Đào Khả T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt Ah T và chị Gi.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Gi và Ah T đều thừa nhận: Ah và chị chung sống với nhau ngày 06/10/2004 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa pH nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống cho đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong quA điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, không tin tưởng nhau dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 02/2016 cho đến nay Ah và chị Gi đã sống ly thân nhau, không ai quA tâm đến ai. Chị Gi và Ah T đều xác định không còn tình cảm và không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án không công nhận Ah và chị là vợ chồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Ủy BA nhân dân xã Xuân Thịnh đã có văn số 40/UBND-TP ngày 06/4/2021 khẳng định không có hồ sơ đăng ký kết hôn giữa chị Gi và Ah T. Tòa án huyện Triệu Sơn cũng đã tiến hành xác minh tại Phòng Tư pháp huyện Triệu Sơn về việc có hồ sơ lưu trữ về kết hôn giữa chị Gi và Ah T không. Tại văn số 27/UBND-TP ngày 19/5/2021 Phòng Tư pháp huyện Triệu Sơn khẳng định: Qua kiểm tra sổ lưu đăng ký kết hôn của UBND xã Xuân Thịnh đAg được lưu trữ tại phòng “Không có hồ sơ và thông tin về đăng ký kết hôn giữa chị Gi và Ah T lưu trữ tại đơn vị”. Do đó, không có cơ sở và tài liệu nào để khẳng định Ah T và chị Gi có đăng ký kết hôn. Như vậy Ah T và chị Gi chỉ sống chung như vợ chồng mà không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Mặc dù cả hai Ah chị đều thống nhất quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, sống ly thân đã lâu, tuy nhiên việc Ah chị chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm Điều 9 Luật HNGĐ nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị Gi có đơn đề nghị không công nhận là vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật HNGĐ xử không công nhận chị Lê Thị Gi và Ah Đào Khả T là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Chị Gi và Ah T có 02 con chung là Đào Mai H, sinh ngày 16/3/2006 và Đào Tâm A, sinh ngày 31/10/2012. Xét thấy, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên là nghĩa vụ và quyền của cha mẹ; Quá trình giải quyết vụ án, nguyện vọng của cháu Mai H là được ở với Ah T, nguyện vọng của cháu Tâm A là được ở với chị Gi. Các đương sự cũng tự nguyện thỏa thuận về việc chị Gi nuôi dưỡng cháu Tâm A, Ah T nuôi dưỡng cháu Mai H. Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Do vậy cần áp dụng Điều 15; Điều 81 và 82 Luật HNGĐ giao cháu Tâm A cho chị Gi trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Mai H cho Ah T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, Ah và chị thống nhất không ai phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau. Xét thấy sự thỏa thuận là phù hợp nên không buộc Ah T và chị Gi phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: cả chị Gi và Ah T đều không yêu cầu giải quyết về tài sản và công nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị Gi là nguyên đơn trong vụ án nên buộc chị Gi phải chịu án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000^d.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Gi.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị Gi và Ah Đào Khả T là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Công nhận chị Lê Thị Gi và Ah Đào Khả T có 02 con chung là: Đào Mai H - Sinh ngày 16 tháng 3 năm 2006 và Đào Tâm A - Sinh ngày 31 tháng 10 năm 2012.

2.1. Giao con chung Đào Tâm A, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2012 cho chị Lê Thị Gi trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Giao con chung Đào Mai H, sinh ngày 16 tháng 3 năm 2006 cho Ah Đào Khả T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.3. Chị Gi, Ah T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau

2.3. Chị Gi, Ah T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Chị Gi và Ah T không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí: Chị Lê Thị Gi phải chịu 300.000^d tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000^d theo biên lai thu tiền số 0001358 ngày 28/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị Gi đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Gi và Ah T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhân:

- TAD tỉnh ThAh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Ngọc Tuấn

